**ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP HỒ CHÍ MINH**

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA**

🙞∙∙∙☼∙∙∙🙜



**BÀI TẬP LỚN**

**MÔN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC**

**ĐỀ TÀI**

**THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI. NÂNG CAO Ý THỨC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG Ở VIỆT NAM HIỆN NAY**

**LỚP CC09 --- NHÓM Nhóm mình tên gì vậy mn --- HK 251**

**NGÀY NỘP ………………**

**Giảng viên hướng dẫn: ThS. Đặng Kiều Diễm**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Sinh viên thực hiện** | **Mã số sinh viên** | **Điểm số** |
| Nguyễn Vĩnh Phú | 2352919 |  |
| Huỳnh Vương Khang | 2350011 |  |
| Trần Ngọc Bảo | 2352109 |  |
| Nguyễn Anh Thư | 2353161 |  |
| Huỳnh Quốc Việt | 2353318 |  |
| Trần Nam Anh | 2352068 |  |

*Thành phố Hồ Chí Minh – 2025*

TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA

KHOA KHOA HỌC ỨNG DỤNG

**BỘ MÔN LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ**

**BÁO CÁO KẾT QUẢ LÀM VIỆC NHÓM VÀ BẢNG ĐIỂM BTL**

*Môn:* **CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC** *(MSMH: SP1035)*

*Nhóm/Lớp*: CC09 *Tên nhóm:Nhóm mình tên gì vậy mn HK: 251*

*Năm học: 2025 - 2026*

*Đề tài*:

**THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI. NÂNG CAO Ý THỨC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG Ở VIỆT NAM HIỆN NAY**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Mã số SV** | **Họ** | **Tên** | **Nhiệm vụ được phân công** | **% Điểm**  **BTL** | **Điểm**  **BTL** | **Ký tên** |
| 1 | 2352919 | Nguyễn Vĩnh | Phú | Phần mở đoạn, kết đoạn, kiểm tra tổng thể | 100% |  |  |
| 2 | 2350011 | Huỳnh Vương | Khang | Chương 1 | 100% |  |  |
| 3 | 2352109 | Trần Ngọc | Bảo | Phần 2.2.1 | 100% |  |  |
| 4 | 2353318 | Huỳnh Quốc | Việt | Phần 2.3, tiểu kết chương 2 | 100% |  | C:\Users\Acer\Downloads\ChatGPT Image 20_52_43 28 thg 9, 2025.png |
| 5 | 2352068 | Trần Nam | Anh | Phần 2.1 | 100% |  |  |
| 6 | 2353161 | Nguyễn Anh | Thư | Phần 2.2.2, 2.2.3 | 100% |  |  |

*Họ và tên nhóm trưởng:* Nguyễn Vĩnh Phú*, Số ĐT:* 0795436628 *Email*: phu.nguyen113@hcmut.edu.vn

******Nhận xét của GV:** ...............................................................................................................................................................................................................................................................

|  |  |
| --- | --- |
| Nguyễn Vĩnh Phú  **GIẢNG VIÊN**  *(Ký và ghi rõ họ, tên)* | **NHÓM TRƯỞNG**  *(Ký và ghi rõ họ, tên)* |

MỤC LỤC

[**PHẦN MỞ ĐẦU 4**](#_Toc209983614)

[**1. Lí do chọn đề tài 4**](#_Toc209983615)

[**2. Nhiệm vụ làm rõ đề tài 5**](#_Toc209983616)

[**PHẦN NỘI DUNG 6**](#_Toc209983617)

[**Chương 1. THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI 6**](#_Toc209983618)

[**1.1. Tính tất yếu khách quan của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội 6**](#_Toc209983619)

[**1.2. Đặc điểm của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội 7**](#_Toc209983620)

[**Chương 2. NÂNG CAO Ý THỨC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG 10**](#_Toc209983621)

[**Ở VIỆT NAM HIỆN NAY 10**](#_Toc209983622)

[**2.1 Các khái niệm cơ bản 10**](#_Toc209983623)

[***2.1.1. Khái niệm môi trường và bảo vệ môi trường* 10**](#_Toc209983624)

[**2.2. Thực trạng ý thức bảo vệ môi trường ở Việt Nam hiện nay 14**](#_Toc209983625)

[***2.2.1. Vai trò của việc bảo vệ môi trường* 14**](#_Toc209983626)

[***2.2.2. Những mặt đạt được và nguyên nhân* 17**](#_Toc209983627)

[***2.2.3. Những hạn chế và nguyên nhân* 22**](#_Toc209983628)

[**2.3. Đề xuất nâng cao ý thức bảo vệ môi trường Việt Nam trong thời gian tới 24**](#_Toc209983629)

[**KẾT LUẬN 28**](#_Toc209983630)

# PHẦN MỞ ĐẦU

## 1. Lí do chọn đề tài

Trong tiến trình phát triển, mỗi quốc gia dân tộc đều phải lựa chọn cho mình một con đường phát triển phù hợp với thực tiễn xã hội của nước đó. Trái ngược với các nước phương tây, nơi mà chủ nghĩa cá nhân, lợi ích tư bản được đặt lên hàng đầu thì ở Việt Nam, đảng và nhà nước ta luôn hướng tới chủ nghĩa xã hội, một lý tưởng xã hội công bằng, dân chủ, phát triển bền vững. Con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội là một yếu tố khách quan, được lựa chọn trên cơ sở bài học kinh nghiệm lịch sử dân tộc, ý chí của nhân dân cũng như xu thế phát triển của thời đại. Tuy nhiên, quá trình này luôn đặt ra nhiều vấn đề phức tạp, khách quan và cả chủ quan, đòi hỏi sự kiên định về đường lối chính trị, sự sáng tạo trong quản lý kinh tế - xã hội và sự đồng thuận, đoàn kết của toàn dân.

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và cuộc cách mạng khoa học – công nghệ diễn ra mạnh mẽ, sự phát triển kinh tế nhanh chóng thường đi kèm với sức ép lớn lên tài nguyên thiên nhiên và môi trường sinh thái. Thực tế cho thấy, để duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế cao ở mức 7–8%/năm trong nhiều năm liền, việc bảo đảm cân bằng giữa phát triển và bảo vệ môi trường là vô cùng khó khăn. Nhiều hoạt động tất yếu trong đời sống hiện đại – như giao thông đô thị dày đặc, quá trình công nghiệp hóa và đô thị hóa mạnh mẽ – cũng tạo ra áp lực không nhỏ đối với công tác bảo vệ môi trường. Ở Việt Nam, cùng với những thành tựu đáng ghi nhận, ý thức bảo vệ môi trường của một bộ phận người dân và doanh nghiệp vẫn còn hạn chế. Không ít trường hợp vẫn vì lợi ích trước mắt mà xem nhẹ lợi ích lâu dài, dẫn đến tình trạng ô nhiễm nguồn nước, không khí và đất đai ngày càng nghiêm trọng, ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống, sức khỏe của nhân dân và sự phát triển bền vững của đất nước.

Từ đó, có thể thấy rằng việc nghiên cứu đồng thời hai khía cạnh: thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; nâng cao ý thức bảo vệ môi trường trong bối cảnh phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, không chỉ có ý nghĩa khoa học mà còn có giá trị thực tiễn sâu sắc. Vì vậy, nhóm chọn đề tài *“Thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Nâng cao ý thức bảo vệ môi trường ở Việt Nam hiện nay”* nhằm làm rõ cơ sở lý luận, thực tiễn và đề xuất giải pháp phù hợp cho sự phát triển bền vững của đất nước.

## 2. Nhiệm vụ làm rõ đề tài

Làm rõ:

* Tính tất yếu khách quan của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội
* Đặc điểm của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội
* Các khái niệm cơ bản
* Thực trạng ý thức bảo vệ môi trường ở Việt Nam hiện nay
* Đề xuất giải pháp nâng cao ý thức bảo vệ môi trường Việt Nam trong thời gian tới

# PHẦN NỘI DUNG

# Chương 1. THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

## 1.1. Tính tất yếu khách quan của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội

Học thuyết hình thái kinh tế - xã hội của chủ nghĩa Mác - Lênin đã chỉ ra rằng sự thay thế hình thái kinh tế - xã hội tư bản chủ nghĩa bằng hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa là tất yếu, là quá trình lịch sử - tự nhiên. C.Mác và Ph. Ăngghen cho rằng, hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa phát triển qua hai giai đoạn từ thấp lên cao, giữa xã hội tư bản chủ nghĩa và xã hội cộng sản chủ nghĩa chính là thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa cộng sản. Khẳng định quan điểm này, V.I. Lênin cho rằng: “Về lý luận, không thể nghi ngờ gì được rằng giữa chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa cộng sản, có một thời kỳ quá độ nhất định”[[1]](#footnote-1).

*Thứ nhất*, theo quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, quá trình từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa cộng sản tất yếu phải trải qua thời kỳ quá độ chính trị. Thật vậy, học thuyết hình thái kinh tế - xã hội đã chỉ rõ lịch sử xã hội đã trải qua 5 hình thái kinh tế - xã hội, bao gồm cộng sản nguyên thủy, chiếm hữu nô lệ, phong kiến, tư bản chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa. Khác với những hình thái khác, hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa không có giai cấp đối kháng, con người từng bước trở thành người tự do. Khát vọng của nhân dân lao động về một xã hội công bằng, tốt đẹp để thay thế cho chủ nghĩa tư bản bất công là chính đáng. Tuy nhiên, sự thay thế này cần được thực hiện thông qua cách mạng xã hội chủ nghĩa, xuất phát từ hai tiền đề vật chất quan trọng là sự phát triển vượt bậc của lực lượng sản xuất và sự trưởng thành của giai cấp công nhân. Bởi lẽ, giai cấp công nhân và nhân dân lao động cần có thời gian để xóa bỏ tàn dư của xã hội cũ, xây dựng những yếu tố kinh tế, chính trị, văn hóa, tư tưởng mới của chủ nghĩa xã hội và từng bước tạo ra cơ sở vững chắc cho xã hội cộng sản trong tương lai.

*Thứ hai*, các nước lạc hậu có thể rút ngắn được quá trình phát triển lên xã hội chủ nghĩa. Về mặt lý luận và thực tiễn, thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa cộng sản được hiểu theo hai nghĩa. Đối với các nước đã trải qua chủ nghĩa tư bản phát triển, đó là thời kỳ quá độ trực tiếp, một cuộc cải biến cách mạng từ xã hội này sang xã hội kia. Tuy nhiên, trên thực tế, mô hình này chưa từng diễn ra vì các cuộc cách mạng vô sản tại các nước tư bản phát triển chưa thành công. Ngược lại, đối với các quốc gia chưa trải qua giai đoạn phát triển tư bản đầy đủ, cần thiết phải có một thời kỳ quá độ khá lâu dài, chính là quá độ gián tiếp lên chủ nghĩa xã hội, rồi từ đó mới phát triển lên chủ nghĩa cộng sản. Trước đây, Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu đã đi theo con đường này, và hiện nay, Trung Quốc, Việt Nam vẫn đang trải qua thời kỳ quá độ gián tiếp với những trình độ phát triển khác nhau. Quan điểm cho rằng “chủ nghĩa cộng sản không phải là một trạng thái cần sáng tạo ra... mà là kết quả của phong trào hiện thực” đã cho thấy: với sự giúp đỡ của giai cấp vô sản đã chiến thắng, các dân tộc lạc hậu có thể rút ngắn quá trình phát triển của mình, bỏ qua hình thái kinh tế - xã hội tư bản chủ nghĩa, từ đó tránh được phần lớn những đau khổ và đấu tranh. Ngày nay, trong bối cảnh toàn cầu hóa và Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, các nước này có thể tận dụng lợi thế của thời đại để đẩy nhanh hơn nữa quá trình quá độ gián tiếp đó.

## 1.2. Đặc điểm của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội

Về bản chất, thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội là một giai đoạn lịch sử đặc biệt, đánh dấu quá trình cải biến cách mạng sâu sắc từ xã hội cũ (tiền tư bản chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa) sang xã hội xã hội chủ nghĩa. Đặc trưng cơ bản của thời kỳ này là sự đan xen phức tạp giữa các yếu tố cũ (tàn dư của xã hội tư bản chủ nghĩa hay tiền tư bản chủ nghĩa) và các yếu tố mới đang được xây dựng. Đây là một cuộc đấu tranh triệt để trên tất cả các mặt của đời sống xã hội, đặc biệt là kinh tế, chính trị, văn hóa và tư tưởng, kéo dài từ lúc nhân dân lao động giành được chính quyền đến khi xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội. Mục tiêu cuối cùng là từng bước xây dựng nền tảng vật chất – kỹ thuật vững chắc và đời sống tinh thần tiên tiến cho chủ nghĩa xã hội. Những đặc điểm này có thể được khái quát chi tiết qua bốn lĩnh vực chính như sau:

*Thứ nhất*, trên lĩnh vực kinh tế, thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội tất yếu tồn tại nền kinh tế nhiều thành phần, trong đó có những thành phần mang tính chất đối lập. V.I. Lênin đã chỉ ra tính chất này khi đặt câu hỏi: “Vậy thì danh từ quá độ có nghĩa là gì? Vận dụng vào kinh tế, có phải nó có nghĩa là trong chế độ hiện nay có những thành phần… của cả chủ nghĩa tư bản lẫn chủ nghĩa xã hội không?”[[2]](#footnote-2). Tương ứng với nước Nga, ông đã chỉ ra sự tồn tại của 5 thành phần kinh tế, với 4 thành phần thuộc về xã hội cũ, bao gồm: kinh tế gia trưởng, kinh tế hàng hóa nhỏ, kinh tế tư bản tư nhân và kinh tế tư bản nhà nước. Trong khi đó, kinh tế xã hội chủ nghĩa mới là thành phần đại diện cho xã hội mới. Do đó, mặc dù giai cấp công nhân đã chiến thắng và nắm quyền, nhưng nền tảng kinh tế của chủ nghĩa xã hội vẫn còn non yếu. Trong khi đó, tàn dư của chế độ cũ còn mạnh và có khả năng phục hồi. Vì vậy, giai cấp vô sản cần phải tiếp tục cuộc đấu tranh để giải quyết mâu thuẫn giữa các thành phần kinh tế đối lập, từng bước củng cố và phát triển nền kinh tế xã hội chủ nghĩa.

*Thứ hai*, về mặt chính trị, việc quá độ lên chủ nghĩa xã hội là quá trình thiết lập và tăng cường chuyên chính vô sản. Bản chất của chuyên chính vô sản là giai cấp công nhân nắm giữ và sử dụng quyền lực nhà nước để trấn áp giai cấp tư sản, đồng thời xây dựng một xã hội không còn giai cấp. Do kết cấu kinh tế đa dạng và phức tạp, cơ cấu giai cấp của xã hội thời kỳ quá độ cũng trở nên phức tạp không kém. Các giai cấp, tầng lớp như công nhân, nông dân, tầng lớp trí thức và tầng lớp tư sản vừa hợp tác, vừa đấu tranh lẫn nhau. Vì vậy, nhân dân lao động cần có sự thống trị về chính trị, thực hiện dân chủ đối với quần chúng nhân dân, tổ chức xây dựng và bảo vệ chế độ mới, đồng thời kiên quyết chuyên chính với các phần tử thù địch. V.I. Lênin từng nhấn mạnh tầm quan trọng của chuyên chính vô sản như một "hòn đá thử vàng": “Kẻ nào chỉ thừa nhận có đấu tranh giai cấp không thôi, thì kẻ đó vẫn chưa phải là một người mác xít… Chỉ người nào mở rộng việc thừa nhận đấu tranh giai cấp đến mức thừa nhận chuyên chính vô sản thì mới là người mác xít”[[3]](#footnote-3). Trong bối cảnh này, cuộc đấu tranh giai cấp diễn ra với những đặc điểm mới: giai cấp công nhân trở thành người cầm quyền; nội dung là xây dựng toàn diện xã hội mới, trọng tâm là xây dựng nhà nước có tính kinh tế; và hình thức chủ yếu là tổ chức xây dựng trong hòa bình.

*Thứ ba*, trên lĩnh vực tư tưởng và văn hóa, thời kỳ quá độ vẫn còn tồn tại nhiều luồng tư tưởng xung đột lẫn nhau, mà chủ yếu là cuộc đấu tranh giữa tư tưởng vô sản và tư tưởng tư sản. Xuất phát từ tàn dư của chế độ cũ trong kinh tế và kết cấu giai cấp, những nền văn hóa và lối sống lạc hậu vẫn còn tồn tại. Đặc biệt, tư tưởng tư sản vẫn là một trở ngại đáng kể đối với công cuộc phát triển lên chủ nghĩa cộng sản của các dân tộc vừa mới giành độc lập. Do đó, giai cấp công nhân, thông qua đội tiền phong của mình là Đảng Cộng sản, phải từng bước thực hiện nhiều nhiệm vụ quan trọng, bao gồm việc tuyên truyền và phổ biến những tư tưởng khoa học, cách mạng trong toàn xã hội; đồng thời, khắc phục những tư tưởng và tâm lý tiêu cực, nhằm xây dựng một nền văn hóa vô sản. Bên cạnh đó, để đáp ứng nhu cầu văn hóa - tinh thần ngày càng cao của quần chúng nhân dân, quá trình này cũng cần phải chủ động tiếp thu những giá trị tinh hoa của văn hóa nhân loại.

*Thứ tư,* trên lĩnh vực xã hội, thời kỳ quá độ là giai đoạn diễn ra cuộc đấu tranh gay gắt nhằm xóa bỏ áp bức, bất công và các tệ nạn xã hội còn sót lại. Bên cạnh mâu thuẫn chủ yếu giữa giai cấp vô sản và tư sản, xã hội vẫn tồn tại những khác biệt đáng kể giữa nông thôn và thành thị, cũng như giữa lao động trí óc và lao động chân tay. Các thế lực thù địch có thể lợi dụng những xung đột này để gây chia rẽ khối đại đoàn kết của nhân dân lao động, cản trở tiến trình tiến lên chủ nghĩa cộng sản. Vì vậy, giai cấp công nhân cần chung tay thiết lập công bằng xã hội trên cơ sở thực hiện nguyên tắc phân phối theo lao động là chủ đạo. Đồng thời, cần từng bước khắc phục sự chênh lệch phát triển giữa các vùng miền, các tầng lớp dân cư nhằm đạt được mục tiêu bình đẳng xã hội. Hơn nữa, quá trình này còn hướng đến xây dựng những mối quan hệ tốt đẹp giữa người với người, thực hiện lý tưởng cao đẹp rằng sự tự do của mỗi cá nhân là tiền đề cho sự tự do của mọi người trong xã hội.

# Chương 2. NÂNG CAO Ý THỨC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

# Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

## 2.1 Các khái niệm cơ bản

### ***2.1.1. Khái niệm môi trường và bảo vệ môi trường***

Môi trường theo định nghĩa bởi Pháp luật Việt Nam, mà cụ thể là Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 đã định nghĩa "Môi trường bao gồm các yếu tố vật chất tự nhiên và nhân tạo quan hệ mật thiết với nhau, bao quanh con người, có ảnh hưởng đến đời sống, kinh tế, xã hội, sự tồn tại, phát triển của con người, sinh vật và tự nhiên". Định nghĩa này thể hiện một sự phát triển sâu sắc so với Luật Bảo vệ môi trường 2014, vốn chỉ xác định môi trường là "hệ thống các yếu tố vật chất tự nhiên và nhân tạo có tác động đối với sự tồn tại và phát triển của con người và sinh vật". Sự bổ sung cụm từ "quan hệ mật thiết với nhau" và mở rộng phạm vi ảnh hưởng sang cả "kinh tế, xã hội" không chỉ đơn thuần là một sự thay đổi về câu chữ. Nó phản ánh sự chuyển dịch từ việc nhìn nhận môi trường như một tập hợp các thành phần tĩnh, riêng lẻ sang một hệ thống động, phức tạp và tương tác. Cách tiếp cận hệ thống này thừa nhận rằng một tác động lên một thành phần môi trường sẽ không chỉ ảnh hưởng đến các thành phần khác như đất hay sinh vật mà còn lan tỏa, gây ra những hệ quả sâu rộng về kinh tế và xã hội.

Cũng trong Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, khái niệm “Hoạt động bảo vệ môi trường” cũng đã được nhắc đến như là “hoạt động giữ gìn, phòng ngừa, hạn chế các tác động xấu đến môi trường; ứng phó sự cố môi trường; khắc phục ô nhiễm, suy thoái, cải thiện, phục hồi môi trường; khai thác, sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên nhằm giữ môi trường trong lành”. Điểm cốt lõi trong định nghĩa này là sự ưu tiên dành cho các hoạt động "phòng ngừa" và "hạn chế tác động xấu". Đây cũng là cách cho thấy nhà nước thay vì chờ đợi sự cố xảy ra rồi mới khắc phục và xử lý, thì thông qua công cụ là luật pháp hiện hành đặt trọng tâm vào việc ngăn chặn các nguy cơ ngay từ đầu. Cách tiếp cận này không chỉ hiệu quả hơn về mặt kinh tế mà còn thể hiện một tầm nhìn dài hạn, phù hợp với nguyên tắc phát triển bền vững. Nó đòi hỏi việc đánh giá tác động môi trường phải được thực hiện một cách nghiêm túc ngay từ giai đoạn lập quy hoạch, phê duyệt dự án, chứ không phải là một thủ tục mang tính hình thức.

Điều 4 của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 không chỉ là một tập hợp các quy định mà còn là một ràng buộc mỗi người cần phải có trách nhiệm chung đến với hoạt động quản lý, bảo môi trường chung tại Việt Nam. Luật khẳng định bảo vệ môi trường là quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm chung của toàn xã hội, từ cơ quan nhà nước, tổ chức, cộng đồng đến từng hộ gia đình và cá nhân, không còn là nhiệm vụ độc quyền của nhà nước. Nguyên tắc này tạo cơ sở pháp lý để xã hội hóa công tác bảo vệ môi trường và phát huy vai trò giám sát của cộng đồng. Việc xác định bảo vệ môi trường là điều kiện, nền tảng, và yếu tố tiên quyết cho phát triển kinh tế - xã hội bền vững. Điều này chính thức hóa chủ trương của Đảng "không đánh đổi môi trường lấy tăng trưởng kinh tế", đặt môi trường vào vị trí trung tâm, là nền tảng không thể thiếu cho sự phát triển thay vì là một yếu tố bên lề hay bị đánh đổi. Để thực thi cam kết này, nguyên tắc "người gây ô nhiễm phải trả tiền" được áp dụng, yêu cầu mọi chủ thể phải có trách nghiệm đóng góp tài chính cho hoạt động bảo vệ môi trường, nếu gây ô nhiễm, sự cố hay suy thoái môi trường phải chịu trách nhiệm chi trả, bồi thường thiệt hại và khắc phục. Nguyên tắc này buộc các doanh nghiệp phải tính toán chi phí ngoại ứng về môi trường vào hoạt động sản xuất kinh doanh của mình. Sự tiến hóa trong khung pháp lý này cho thấy Việt Nam đang hội nhập sâu sắc với các chuẩn mực quốc tế về phát triển bền vững, tạo ra một hành lang pháp lý vững chắc để định hướng lại mô hình tăng trưởng của quốc gia theo hướng xanh và bền vững hơn.

Tóm lại, khái niệm môi trường và bảo vệ môi trường trong Luật Bảo vệ môi trường 2020 không chỉ dừng lại ở những định nghĩa pháp lý khô cứng mà đã thể hiện sự thay đổi mang tính chiến lược trong tư duy quản lý và phát triển. Việc coi môi trường là nền tảng của đời sống và phát triển kinh tế - xã hội, cùng với việc đề cao nguyên tắc phòng ngừa, trách nhiệm chung của toàn xã hội đã tạo ra một khuôn khổ pháp lý vững chắc và toàn diện. Điều này không chỉ góp phần bảo vệ hệ sinh thái và sức khỏe cộng đồng, mà còn khẳng định cam kết của Việt Nam trong việc theo đuổi con đường phát triển xanh, bền vững, hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế và bảo tồn môi trường cho các thế hệ hiện tại và mai sau.

***2.1.2. Khái niệm ý thức và ý thức bảo vệ môi trường***

Theo quan điểm tâm lý học, ý thức được định nghĩa là hình thức phản ánh tâm lý cao nhất, chỉ có ở con người. Nó là sự phản ánh bằng ngôn ngữ những gì con người tiếp thu trong quá trình tương tác với thế giới khách quan. Khác với phản xạ tự nhiên hay phản ứng bản năng, ý thức cho phép con người tự phản ánh lại, tức là "phản ánh của phản ánh", giúp họ hình dung trước kết quả hành động và tự điều chỉnh hành vi của mình. Triết học Mác – Lênin thì lại định nghĩa ý thức là sự phản ánh thế giới vật chất khách quan vào bộ óc con người và có sự cải biến và sáng tạo. Ý thức được hình thành từ hai nguồn gốc là tự nhiên và xã hội, trong đó nguồn gốc xã hội giữ vai trò quyết định. Về mặt tự nhiên, ý thức yêu cầu phải có bộ óc người – một dạng vật chất có tổ chức cao – và sự tác động của thế giới khách quan lên bộ óc đó để tạo ra sự phản ánh. Tuy nhiên, chính nguồn gốc xã hội mới là yếu tố quyết định cho sự ra đời và phát triển của ý thức, thể hiện qua hai nhân tố cơ bản là lao động và ngôn ngữ. Lao động là quá trình con người sử dụng công cụ để cải biến thế giới, và chính trong quá trình này, con người không chỉ thay đổi tự nhiên mà còn phát triển chính bản thân mình, đặc biệt là bộ óc. Từ nhu cầu giao tiếp nảy sinh trong lao động, ngôn ngữ ra đời và đóng vai trò là "cái vỏ vật chất của tư duy". Ngôn ngữ là phương tiện để con người khái quát hóa, trừu tượng hóa và trao đổi tri thức, qua đó giúp tư duy và ý thức không ngừng phát triển.

Từ nền tảng đã phân tích, có thể xây dựng khái niệm “ý thức bảo vệ môi trường” là sự phản ánh một cách chủ động, tích cực và sáng tạo của cá nhân và cộng đồng về mối quan hệ biện chứng giữa con người và môi trường, được biểu hiện thông qua một hệ thống thống nhất giữa tri thức, tình cảm, thái độ, niềm tin, và được hiện thực hóa bằng những hành vi cụ thể nhằm bảo vệ, cải thiện môi trường vì mục tiêu phát triển bền vững. Định nghĩa này nhấn mạnh tính chủ động và sáng tạo, phù hợp với bản chất của ý thức theo triết học Mác - Lênin, đồng thời bao hàm các thành tố tâm lý xã hội được nhận diện trong các nghiên cứu thực tiễn tại Việt Nam. Cụ thể, cấu trúc của ý thức bảo vệ môi trường bao gồm bốn yếu tố

*Một là yếu tố nhận thức*. Nhận thức được xem là yếu tố nền tảng, là chìa khóa cho mọi hành động liên quan đến môi trường. Nhận thức này không chỉ là sự hiểu biết thông thường mà bao gồm cả nhận thức khoa học và nhận thức pháp luật, đạo đức. Về mặt khoa học, đó là sự am hiểu các quy luật vận động của hệ sinh thái, mối quan hệ tương tác giữa các thành phần môi trường, cũng như nguyên nhân và hậu quả của các vấn đề cấp bách như ô nhiễm, biến đổi khí hậu, suy giảm đa dạng sinh học. Về mặt pháp luật và đạo đức, đó là việc hiểu và nắm vững các quy định của Luật Bảo vệ Môi trường, các chuẩn mực trong ứng xử với tự nhiên, từ đó nhận thức rõ quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của bản thân.

*Hai là, yếu tố tình cảm và niềm tin*. Đây là yếu tố tạo ra động lực nội tại, có sức mạnh chuyển hóa những tri thức khô khan thành sự thôi thúc hành động. Yếu tố này bắt nguồn từ tình cảm với tự nhiên, thể hiện qua tình yêu quê hương, đất nước, sự rung động trước vẻ đẹp hùng vĩ hay thơ mộng của cảnh quan và lòng yêu quý động thực vật. Đi cùng với đó là sự quan tâm và lo lắng, tức là những trăn trở, lo âu trước các vấn nạn môi trường đang diễn ra như ô nhiễm không khí, hạn hán, xâm nhập mặn. Cuối cùng, tất cả những cảm xúc trên sẽ hun đúc nên niềm tin và ý chí vào khả năng của con người và xã hội trong việc giải quyết thách thức môi trường, đồng thời tạo ra nghị lực và khát vọng hành động để bảo vệ một môi trường sống trong sạch, lành mạnh.

*Ba là thái độ là cấp độ thể hiện quan điểm và sự đánh giá của cá nhân đối với các vấn đề cũng như hành động liên quan đến môi trường*. Một thái độ tích cực trước hết bắt nguồn từ việc coi trọng môi trường, nhận thức sâu sắc rằng bảo vệ môi trường là một vấn đề quan trọng, cấp thiết. Từ đó, hình thành sự sẵn sàng hành động, thể hiện qua việc ủng hộ các chính sách bảo vệ môi trường và nhiệt tình tham gia các phong trào của cộng đồng. Ở mức độ cao hơn, thái độ này còn là tinh thần đấu tranh, dũng cảm lên tiếng phê phán, ngăn chặn những hành vi gây hại cho môi trường, đồng thời quyết tâm thay đổi các thói quen tiêu dùng không bền vững.

*Bốn là yếu tố hành vi*. Đây chính là biểu hiện vật chất và là thước đo cuối cùng và cũng là rõ ràng nhất của ý thức bảo vệ môi trường. Hành vi này được thể hiện ở nhiều cấp độ khác nhau. Cấp độ nền tảng là hành vi cá nhân, bao gồm các thói quen trong sinh hoạt hàng ngày như không vứt rác bừa bãi, tiết kiệm điện nước, và hạn chế sử dụng sản phẩm nhựa dùng một lần. Khi được nâng cao, nó trở thành hành vi cộng đồng, thể hiện qua việc tự giác tham gia các hoạt động chung như trồng cây xanh, tổng vệ sinh môi trường, đồng thời tích cực tuyên truyền, vận động người khác cùng tham gia. Cuối cùng, ở phạm vi rộng lớn và mang tính ràng buộc cao nhất, đó là việc tuân thủ pháp luật, tức là chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định về bảo vệ môi trường trong sản xuất, kinh doanh và đời sống.

Nhìn chung, ý thức và ý thức bảo vệ môi trường không chỉ dừng lại ở tri thức lý luận mà còn là sự hòa quyện giữa nhận thức, tình cảm, thái độ và hành vi thực tiễn. Khi các yếu tố này gắn kết và bổ sung cho nhau, chúng tạo nên một sức mạnh nội tại, giúp mỗi cá nhân và cộng đồng không chỉ hiểu đúng, cảm đúng mà còn hành động đúng vì sự phát triển bền vững. Trong bối cảnh các vấn đề môi trường ngày càng trở nên nghiêm trọng và phức tạp, việc nuôi dưỡng và nâng cao ý thức bảo vệ môi trường chính là nền tảng quan trọng để xây dựng một xã hội văn minh, hài hòa với tự nhiên và hướng tới tương lai xanh, sạch, đẹp cho các thế hệ mai sau.

## 2.2. Thực trạng ý thức bảo vệ môi trường ở Việt Nam hiện nay

### ***2.2.1. Vai trò của việc bảo vệ môi trường***

Trong quá trình phát triển đất nước, môi trường giữ một vị trí đặc biệt quan trọng. Đây không chỉ là không gian sống của con người mà còn là nơi cung cấp các nguồn lực thiết yếu cho sản xuất và phát triển kinh tế – xã hội. Vì vậy, bảo vệ môi trường là một yêu cầu mang tính chiến lược, nó không chỉ là một nhiệm vụ hay phong trào nhất thời mà nó được gắn trực tiếp tới mục tiêu phát triển con người và phát triển bền vững của đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Có thể nói, bảo vệ môi trường có vai trò vô cùng quan trọng đó chính là bảo vệ sự sống, bảo vệ tương lai, và là thước đo quan trọng của một xã hội văn minh. Để thấy rõ hơn vấn đề này, ta có thể xem xét vai trò của bảo vệ môi trường trên các phương diện cụ thể.

**Thứ nhất**, bảo vệ môi trường đóng vai trò bảo vệ sức khỏe của cộng đồng và chất lượng dân số.

Môi môi trường xanh, sạch, trong lành luôn là điều kiện sống lý tưởng, giúp nâng cao chất lượng cuộc sống của con người, từ đó giúp con người có điều kiện phát triển cả về thể chất lẫn tinh thần cũng như tăng sức đề kháng, phòng ngừa bệnh tật. Ngược lại, khi môi trường bị ô nhiễm các rủi ro về hô hấp, tim mạch, ung thư, … gia tăng từ đó kéo theo các chi phí y tế, các vấn đề an sinh xã hội. Theo thống kê của tổ chức Y tế Thế giới (WHO) mỗi năm ước tính có ít nhất khoảng 70.000 ca tử vong ở Việt Nam có liên quan đến ô nhiễm không khí, đồng thời sự ô nhiễm đó làm giảm tuổi thọ trung bình của người Việt Nam khoảng 1,4 năm nếu không được kiểm soát hiệu quả. Các bệnh ảnh hưởng trực tiếp gồm tim mạch, ung thư phổi, hen suyễn, bệnh phổi tắc nghẽn mãn tính (COPD), gánh nặng bệnh tật này dẫn đến chi phí y tế lớn và mất năng suất lao động. Trong định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam, con người là trung tâm của sự phát triển, vừa là mục tiêu vừa là động lực, do đó bảo vệ môi trường là bảo vệ sức khỏe, sự an toàn và chất lượng cuộc sống của con người, làm nền tảng cho sự phát triển bền vững và chất lượng tăng trưởng lâu dài.

**Thứ hai**, bảo vệ môi trường đóng vai trò nền tảng cho tăng trưởng bền vững.

Kinh tế và môi trường là hai thứ không thể tách rời bởi tài nguyên thiên nhiên chính là nguyên liệu cho quá trình sản xuất. Nếu khai thác và sử dụng không kiểm soát chúng ta phải đối mặt với nguy cơ cạn kiệt nguồn lực và chi phí để khắc phục hậu quả sẽ là vô cùng lớn. Đặc biệt là vấn đề ô nhiễm môi trường dẫn đến biến đổi khi hậu do sự nóng lên toàn cầu. Theo báo cáo Khí hậu và Phát triển quốc gia của Ngân hàng Thế giới (WB) ước tính Việt Nam thiệt hại khoảng 10 tỷ USD (≈3,2% GDP) trong năm 2020 do tác động khí hậu; nếu không hành động, tổn thất có thể lên tới 12–14,5% GDP vào năm 2050. Ngược lại, một nền kinh tế bảo vệ môi trường biết kết hợp hài hòa giữa khai thác và tái tạo, giữa tăng trưởng và bảo tồn, sẽ có khả năng phát triển lâu dài, giúp giảm rủi ro, ổn định ngân sách.

**Thứ ba**, bảo vệ môi trường đóng vai trò bảo đảm an ninh tài nguyên, lương thực và sinh kế cho hàng triệu người dân.

Đất, nước, rừng và biển là cơ sở cho sản xuất nông nghiệp, thủy sản và nhiều ngành kinh tế khác. Khi môi trường ổn định, mùa màng bội thu, nguồn nước sạch, đời sống người dân mới có thể duy trì lâu dài. Ngược lại, nếu để xảy ra suy thoái tài nguyên hay biến đổi khí hậu nghiêm trọng, chịu ảnh hưởng đầu tiên chính là người nông dân và người dân sống dựa vào tự nhiên. Điển hình là khu vực đồng bằng sông Cửu Long đang phải đối mặt với nhiều thách thức: xâm nhập mặn, hạn hán kéo dài, sụt lún và mực nước biển dâng. Điều này xảy ra là do khai thác nước ngầm quá mức, quy hoạch thủy lợi và các công trình công nghiệp ven biển thiếu hợp lý, khai thác gỗ củi quá mức làm thu hẹp diện tích các cánh rừng ngập mặn. Theo Trung tâm Dự báo khí tượng thủy văn quốc gia, trong mùa khô năm 2023–2024, tình trạng xâm nhập mặn ở Đồng bằng sông Cửu Long cao hơn mức trung bình nhiều năm, đồng thời diễn ra sớm hơn khoảng 15 ngày so với bình thường. Điều này nói lên nếu không phục hồi hệ sinh thái và sử dụng tài nguyên nước một cách hợp lý, sinh kế của hàng chục triệu người dân vùng hạ du sẽ bị đe dọa. Ngược lại, những chính sách bảo vệ môi trường đúng đắn sẽ giúp duy trì sản xuất lúa gạo, thủy sản, ổn định đời sống dân cư và giữ vững an ninh lương thực quốc gia.

**Thứ tư**, bảo vệ môi trường đóng vai trò giữ gìn đa dạng sinh học và các dịch vụ hệ sinh thái.

Hệ sinh thái rừng, biển, đất ngập nước không chỉ mang lại nguồn tài nguyên dồi dào và là nơi cư trú của hàng ngàn loài động – thực vật, mà nó còn có các chức năng như điều hòa khí hậu, chống xói mòn, chắn sóng, lọc nước, hấp thụ khí thải. Sự phong phú về đa dạng sinh học còn là nền tảng để phát triển du lịch sinh thái, dược liệu, và các ngành nghề gắn với tự nhiên. Nếu để mất đi những hệ sinh thái này, chúng ta sẽ phải trả giá bằng sự suy thoái môi trường sống và những chi phí khắc phục khổng lồ. Vì vậy bảo vệ môi trường, giữ gìn đa dạng sinh học có vai trò rất quan trọng.

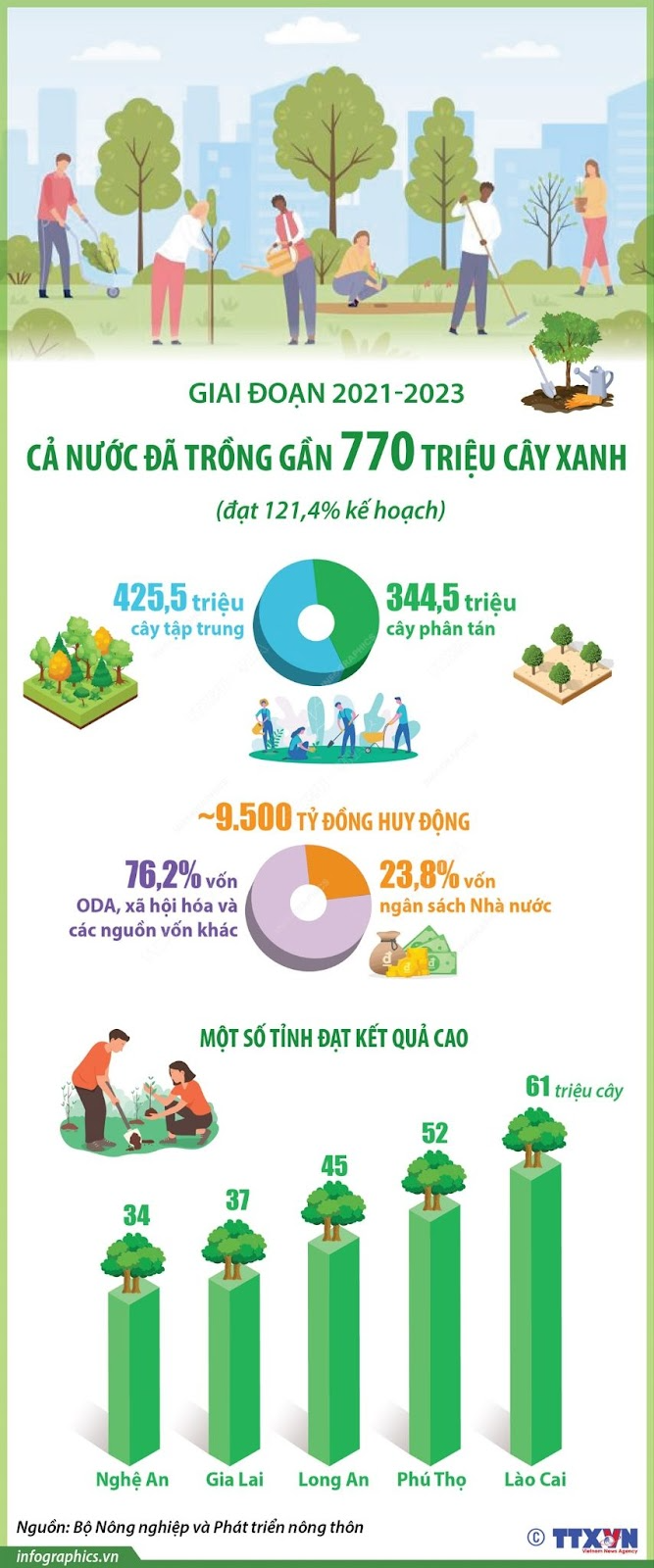
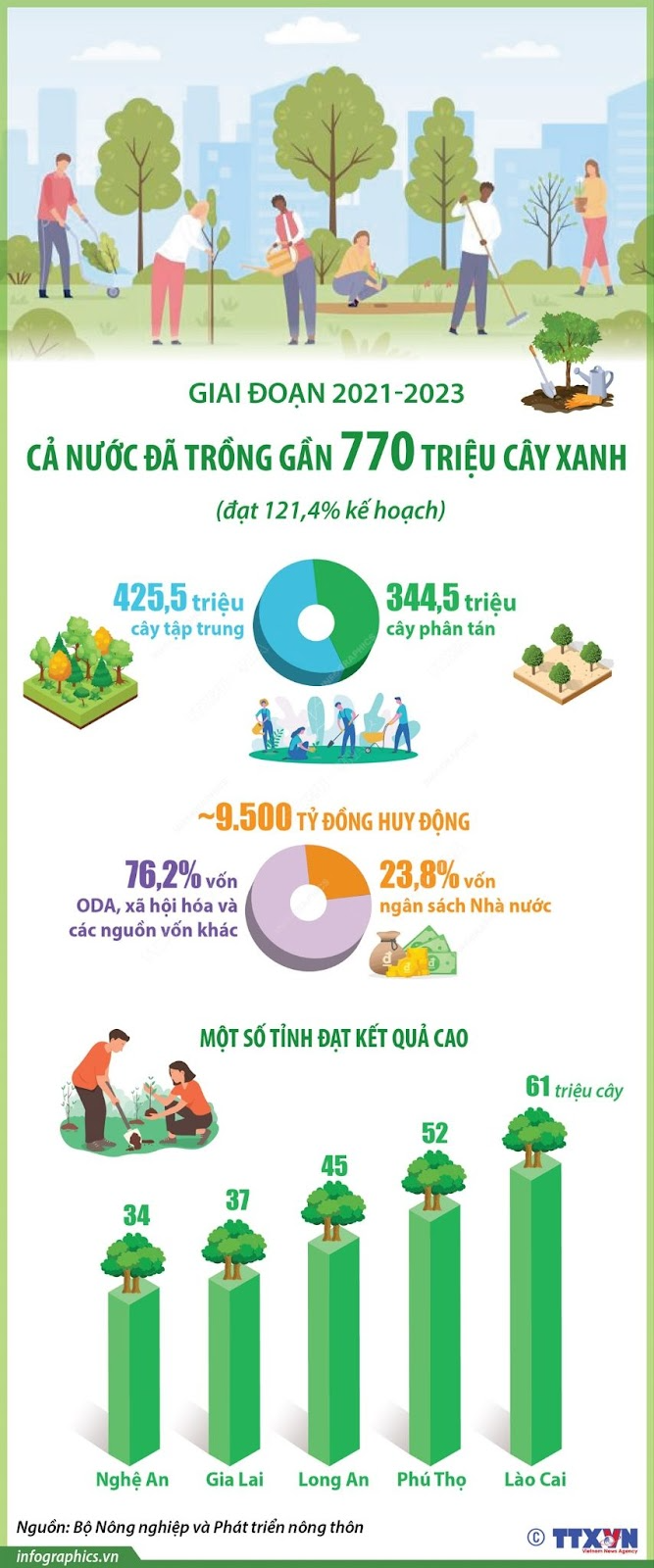
**Thứ năm**, bảo vệ môi trường góp phần nâng cao hình ảnh quốc gia và năng lực hội nhập quốc tế.

Một quốc gia xanh, sạch, đẹp sẽ là một nơi lý tưởng để thu hút khách du lịch và các nhà đầu tư quốc tế. Điều này đặc biệt quan trọng trong bối cảnh Việt Nam đã tham gia nhiều hiệp định thương mại tự do thế hệ mới (EVFTA, CPTPP, RCEP). Các hiệp định này bên cạnh thuế quan còn đề cập đến tiêu chuẩn môi trường, giảm phát thải và phát triển bền vững. Ví dụ, EVFTA có các quy định rõ ràng về việc tuân thủ các chuẩn mực quốc tế trong lĩnh vực môi trường để hàng hóa được tiếp cận thị trường châu Âu. Nếu Việt Nam thực hiện nghiêm túc việc bảo vệ môi trường, thì đây sẽ là một điều kiện tuyệt vời để các nông sản, thủy sản và hàng hóa công nghiệp của Việt Nam được thâm nhập sâu hơn vào thị trường quốc tế, cũng như sự phát triển của ngành du lịch. Qua đó sẽ làm nâng cao hình ảnh và độ uy tín của quốc gia đối với bạn bè thế giới.

Tóm lại, bảo vệ môi trường có vai trò vừa là điều kiện sống còn, vừa là thước đo cho sự phát triển bền vững. Nó gắn liền với sức khỏe, sinh kế, kinh tế, văn hóa, uy tín quốc gia. Trong tiến trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, bảo vệ môi trường không chỉ là nhiệm vụ nhất thời mà còn là trách nhiệm lâu dài, bảo đảm cho sự phát triển của con người và đất nước

### ***2.2.2. Những mặt đạt được và nguyên nhân***

Nhận thức được tầm quan trọng của bảo vệ môi trường trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội, Đảng và Nhà nước đã luôn xem bảo vệ môi trường là vấn đề then chốt. Xuất phát từ thực tiễn cũng như những vấn đề mới nảy sinh, các kỳ Đại hội Đảng đều tiến hành tổng kết, bổ sung và phát triển quan điểm bảo vệ môi trường sao cho phù hợp với từng chặng đường phát triển của đất nước. Năm 2004, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 41-NQ/TW, ngày 15/11/2004 về bảo vệ môi trường trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Tiếp đó, Nghị quyết số 24-NQ/TW, ngày 03/6/2013 nhấn mạnh việc chủ động ứng phó biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường; và ban hành Kết luận số 56-KL/TW, ngày 23/8/2019 về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa XI với nội dung tương tự. Đến Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII, Đảng ta tiếp tục khẳng định quan điểm “Lấy bảo vệ môi trường sống và sức khỏe của nhân dân là mục tiêu hàng đầu…”. Ngày 13/4/2022, Thủ tướng Chính phủ ký Quyết định số 450/QĐ-TTg phê duyệt Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050, hướng đến ngăn chặn suy thoái, phục hồi chất lượng môi trường, phát triển kinh tế xanh, tuần hoàn và carbon thấp. Năm 2020, Quốc hội đã thông qua Luật Bảo vệ môi trường thay thế Luật Bảo vệ môi trường năm 2014 (Luật số 72/2020/QH14 ban hành ngày 17/11/2020 và có hiệu lực từ ngày 01/01/2022), đã quy định rất cụ thể, rõ trách nhiệm của các chủ thể trong các khâu bảo vệ môi trường. Những quy định pháp luật ngày càng cụ thể và chặt chẽ không chỉ tạo hành lang pháp lý vững chắc cho công tác quản lý môi trường mà còn góp phần nâng cao nhận thức, thúc đẩy sự chuyển biến rõ rệt trong ý thức bảo vệ môi trường của các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, và người dân.

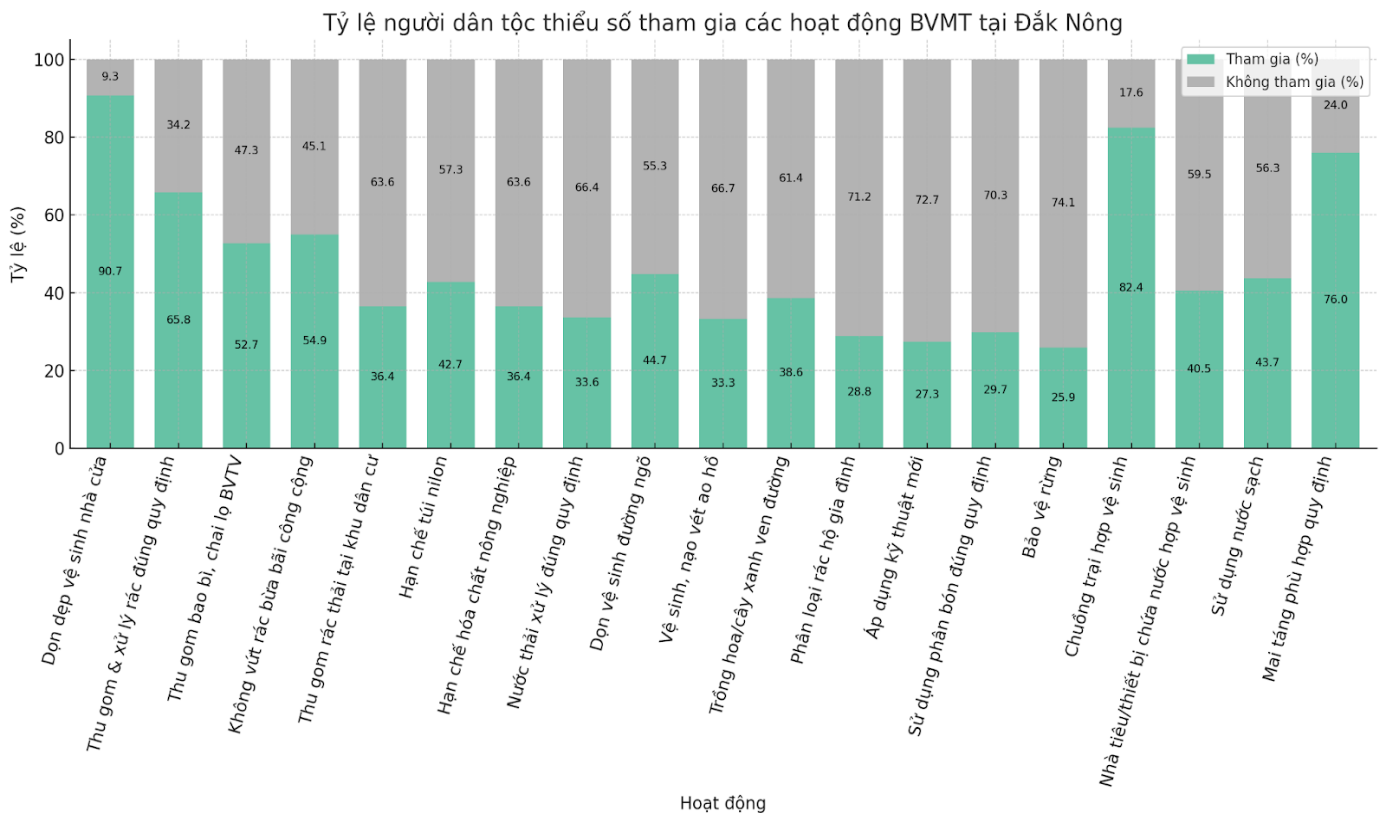
*Thứ nhất, các cơ quan chức năng đã thể hiện ý thức trách nhiệm cao trong công tác quản lý và bảo vệ môi trường*. Theo báo cáo của Bộ Tài nguyên và Môi trường, năm 2022, đã có 372/435 cơ sở gây môi trường nghiêm trọng được xử lý. Bên cạnh đó, ngành Tài nguyên và Môi trường còn chủ động nghiên cứu và đề xuất cơ chế, chính sách dài hạn nhằm khắc phục triệt để các vấn đề môi trường. Một trong những trọng tâm là cải tạo, phục hồi các lưu vực sông ô nhiễm, ban hành quy chuẩn kỹ thuật, và khuyến khích áp dụng công nghệ xử lý chất thải hiện đại, thân thiện với môi trường. Thay vì phụ thuộc vào phương pháp chôn lấp truyền thống, ngành đã đẩy mạnh mô hình đốt rác phát điện, góp phần vừa xử lý rác, vừa tạo ra năng lượng tái tạo. Đến nay, nhiều nhà máy xử lý rác thải theo công nghệ đốt rác phát điện đã được triển khai tại nhiều địa phương lớn như Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Cần Thơ…, với tổng công suất xử lý trên 16 nghìn tấn/ngày và công suất phát điện khoảng 270 MW. Cùng với đó, các bộ, ngành, cơ quan liên quan tích cực triển khai xây dựng các chương trình dự báo, hạn chế tác hại thiên tai, huy động nguồn lực xã hội và thu hút các dòng “tài chính xanh” để ứng phó với biến đổi khí hậu. Chỉ riêng năm 2020, Việt Nam đã tiếp nhận hơn 4,76 triệu USD viện trợ không hoàn lại cho lĩnh vực môi trường. Với Đề án “Trồng 1 tỷ cây xanh giai đoạn 2021 - 2025”, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn đã ban hành các văn bản hướng dẫn chi tiết, tập trung vào việc rà soát và xác định quỹ đất cho các mục đích trồng rừng khác nhau, bao gồm đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng, rừng sản xuất và đất trồng cây xanh đô thị và nông thôn. Sau 3 năm triển khai theo số liệu lũy kế, Việt Nam đã đạt được thành tựu ấn tượng, vượt xa mục tiêu đề ra ban đầu, tỷ lệ hoàn thành so với kế hoạch đạt 121,4%.

Hình 1: Kết quả Đề án “Trồng 1 tỷ cây xanh giai đoạn 2021 - 2025” giai đoạn 2021 - 2023

*Thứ hai, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội đã thể hiện vai trò ngày càng rõ nét trong việc nâng cao ý thức bảo vệ môi trường.* Mặt trận Tổ quốc các cấp và các tổ chức chính trị - xã hội đã đẩy mạnh nhiều phong trào, chiến dịch như “Ngày môi trường thế giới”, “Chống rác thải nhựa”, “Tết trồng cây”,... Đồng thời xây dựng các mô hình tự quản ở khu dân cư, lồng ghép tiêu chí môi trường vào các danh hiệu thi đua. Trong những tháng đầu năm 2025, các tổ chức chính trị - xã hội ở nhiều địa phương đã triển khai nhiều hoạt động góp phần bảo vệ môi trường. Hội Cựu chiến binh trồng hơn 12.600 cây xanh và xây dựng mô hình tự quản thu gom rác thải; Hội Nông dân phát động “Hàng cây nông dân”, mô hình phân loại, xử lý rác tại hộ gia đình và phong trào “Ngày chủ nhật xanh”. Đoàn Thanh niên thực hiện hơn 600 công trình, trồng trên 125 nghìn cây xanh, đảm nhận nhiều tuyến đường tự quản; Hội Liên hiệp Phụ nữ ra mắt 75 mô hình “Ngôi nhà xanh - biến rác thải thành tiền” và gần 8.000 buổi vệ sinh môi trường. Công đoàn các cấp cũng đẩy mạnh phong trào “Xanh - sạch - đẹp, an toàn vệ sinh lao động” và xây dựng mô hình bảo vệ môi trường tại các khu công nghiệp. Bên cạnh đó, các tổ chức cũng xây dựng các mô hình đa dạng, từ mô hình quản lý rừng, bảo tồn đa dạng sinh học, đến các nền tảng học tập để trau dồi kiến thức về ứng phó và thích nghi với biến đổi khí hậu,... Những hoạt động này không chỉ góp phần nâng cao chất lượng môi trường mà còn khẳng định vai trò tiên phong của các tổ chức xã hội trong việc lan tỏa ý thức bảo vệ môi trường đến cộng đồng.

*Thứ ba, các doanh nghiệp đã thể hiện rõ hơn trách nhiệm đối với môi trường, đặc biệt là trong bối cảnh phát triển kinh tế gắn liền với yêu cầu bền vững*. Nhận thức được vai trò quan trọng của mình, nhiều doanh nghiệp đã xem bảo vệ môi trường không chỉ là nghĩa vụ pháp lý mà còn là chiến lược lâu dài để nâng cao uy tín, tăng sức cạnh tranh, thu hút vốn đầu tư, mở rộng thị trường quốc tế và hướng tới phát triển bền vững. Nhiều doanh nghiệp đã chủ động đầu tư nguồn lực đa dạng cho công tác bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu, hướng đến mục tiêu phát triển xanh và bền vững. Coca-Cola Việt Nam là một trong những doanh nghiệp đã triển khai các hoạt động thu gom, tái chế và nâng cao nhận thức để xây dựng một hệ thống quản lý rác thải bền vững hơn, trong đó dự án “Thúc đẩy kinh tế tuần hoàn rác thải nhựa tại huyện Cần Giờ” (05/2022 - 12/2023) đã thu gom và tái chế thành công 152 tấn rác thải nhựa. Dự án này không chỉ lan toả hành động bảo vệ môi trường mà còn tuyên truyền, giáo dục người dân tham gia vào các hoạt động tương tự. Năm 2021, 9 doanh nghiệp lớn gồm TH Group, Coca-Cola Việt Nam, Tetra Pak và Universal Robina Corporation đã thành lập Liên minh Tái chế bao bì Việt Nam (gọi tắt là PRO Việt Nam) với sứ mệnh phát triển thu gom, góp phần tăng tỷ lệ tái chế và giảm thiểu tỷ lệ bao bì thải ra môi trường. Bên cạnh đó, ngày càng nhiều doanh nghiệp tại Việt Nam thể hiện cam kết đối với môi trường, coi đó là chiến lược phát triển bền vững. Các tập đoàn lớn đã đầu tư mạnh vào năng lượng tái tạo (điện gió, điện Mặt Trời, hydro xanh…), đưa Việt Nam trở thành một trong những quốc gia dẫn đầu khu vực về công suất điện sạch. Nhờ cơ chế khuyến khích, Việt Nam đã lắp đặt hơn 20.670 MW điện năng lượng tái tạo (gió, mặt trời) tính đến năm 2021, chiếm 27% tổng nguồn điện quốc gia. Đây là những minh chứng rõ rệt cho thấy doanh nghiệp đang dần ý thức được trách nhiệm xã hội, gắn lợi ích kinh tế với lợi ích cộng đồng và môi trường.

Hình 2: Tiềm năng năng lượng tái tạo của Việt Nam

*Thứ tư, nhận thức và hành động của người dân đối với công tác bảo vệ môi trường đã có nhiều thay đổi rõ rệt, thể hiện qua sự nâng cao ý thức bảo vệ môi trường và tham gia tích cực vào các hoạt động cộng đồng*. Người dân ngày càng có thói quen phân loại rác tại nguồn, hạn chế sử dụng túi ni lông, thay thế bằng sản phẩm thân thiện với môi trường, tích cực tham gia phong trào do Uỷ ban nhân dân, các tổ chức chính trị - xã hội tổ chức như “Ngày Chủ nhật xanh”, “Đường làng ngõ xóm sạch đẹp”, hay các hoạt động trồng cây, vệ sinh môi trường do địa phương, đoàn thể phát động. Nhiều hộ gia đình đã tự nguyện xây dựng mô hình như “Vườn kiểu mẫu”, “Ngôi nhà xanh”, “Gia đình 5 có, 3 sạch”, góp phần lan tỏa lối sống xanh. Bên cạnh đó, người dân tộc thiểu số tại các tỉnh miền núi như Đắk Nông hiện nay đã tham gia nhiều hoạt động thiết thực nhằm cải thiện và bảo vệ môi trường. Các hoạt động phổ biến nhất là dọn dẹp vệ sinh nhà cửa (90,7%), chuồng trại chăn nuôi đảm bảo môi trường (82,4%) và mai táng, hỏa táng theo quy định (76%). Khoảng 2/3 hộ dân thu gom rác thải sinh hoạt đúng quy định, một nửa hộ thu gom rác bao bì thuốc BVTV và hạn chế vứt rác bừa bãi nơi công cộng. Tuy nhiên, các hoạt động như phân loại rác, xử lý nước thải, trồng cây xanh, bảo vệ rừng hay áp dụng kỹ thuật sản xuất mới còn ở mức thấp (chỉ khoảng 25–40%).

Hình 3: Tỷ lệ người dân tộc thiểu số tham gia các hoạt động tham gia cải thiện, bảo vệ môi trường tại Đắk Nông

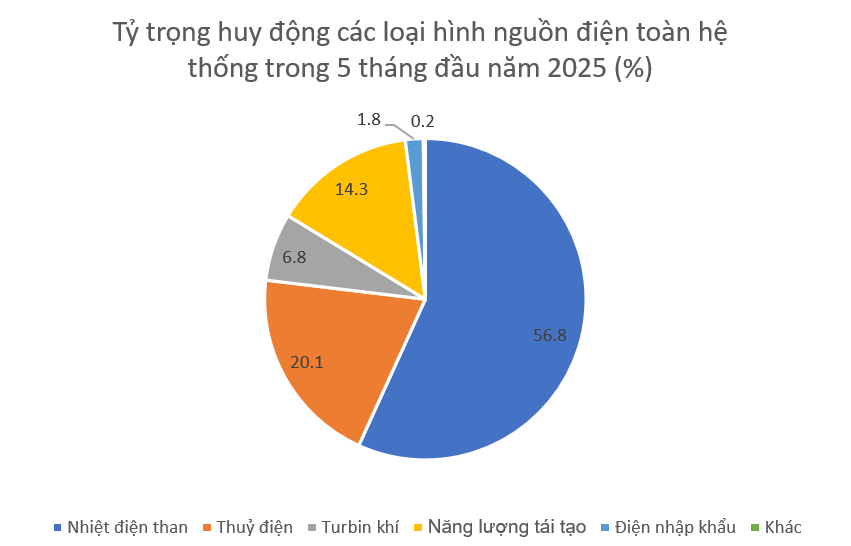
Tóm lại, ý thức bảo vệ môi trường ở Việt Nam đã có sự chuyển biến rõ rệt nhờ sự chỉ đạo quyết liệt của Đảng và Nhà nước, sự đồng hành của các tổ chức chính trị - xã hội, tinh thần trách nhiệm ngày càng cao của doanh nghiệp và sự thay đổi tích cực trong nhận thức, hành động của người dân.

### ***2.2.3. Những hạn chế và nguyên nhân***

Bên cạnh những chuyển biến tích cực trong ý thức bảo vệ môi trường, hiện nay ở Việt Nam vẫn còn tồn tại nhiều hạn chế ảnh hưởng đến hiệu quả công tác bảo vệ môi trường. Để nâng cao hiệu quả công tác này, cần xác định những hạn chế còn tồn tại trong ý thức và hành động bảo vệ môi trường, từ đó làm rõ nguyên nhân để có hướng khắc phục phù hợp.

*Thứ nhất, vẫn còn nhiều bất cập, thiếu đồng bộ, thiếu nhiều quy định về các vấn đề môi trường mới trong hệ thống chính sách, pháp luật*. Theo số liệu của Bộ Tư pháp, tính đến năm 2019, Việt Nam đã ban hành khoảng 300 văn bản liên quan đến bảo vệ môi trường. Tuy vậy, hệ thống pháp luật này vẫn bộc lộ nhiều hạn chế khi chưa thật sự đầy đủ, đồng bộ và khó áp dụng trong thực tiễn. Nhiều quy định chưa có sự liên kết chặt chẽ, một số vấn đề quan trọng vẫn chưa được đề cập rõ ràng, chẳng hạn như quản lý, xử lý chất thải ở khu vực nông thôn hay cơ chế thu phí, lệ phí đối với chất thải từ sản xuất nông nghiệp, làng nghề. Không chỉ vậy, các văn bản pháp luật về bảo vệ môi trường thường xuyên thay đổi, nhiều văn bản vừa ban hành đã phải sửa đổi, bổ sung, làm giảm tính ổn định và hạn chế hiệu quả thi hành.

*Thứ hai, tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về môi trường còn chưa phù hợp, có sự chồng chéo về chức năng, nhiệm vụ và thiếu sự phối hợp đồng bộ trong triển khai trên thực tế.* Mặc dù bộ máy quản lý nhà nước về môi trường đã nhiều lần được kiện toàn, nhưng đến nay vẫn tồn tại tình trạng thiếu đồng bộ, thiếu thống nhất từ trung ương đến địa phương. Cơ cấu tổ chức chưa thật sự phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, chưa giải quyết hiệu quả các vấn đề liên ngành, liên vùng hay xuyên biên giới, và còn chậm thích ứng với yêu cầu bảo vệ môi trường trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với biến đổi khí hậu. Việc phân công trách nhiệm quản lý vẫn rời rạc, chồng chéo, đặc biệt trong quản lý chất thải, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học. Hiện chưa có một cơ chế điều phối thống nhất trong lĩnh vực này, khi nhiệm vụ còn bị chồng chéo giữa Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và chính quyền địa phương.

*Thứ ba, ý thức tự giác của một số doanh nghiệp, cơ sở sản xuất đối với bảo vệ môi trường còn hạn chế*. Thực tế cho thấy vẫn còn không ít doanh nghiệp đặt lợi nhuận kinh tế lên trên trách nhiệm xã hội, tìm cách né tránh hoặc đối phó với các quy định về môi trường. Trên phạm vi cả nước, vẫn còn nhiều dự án và cơ sở sản xuất công nghiệp thuộc nhóm có nguy cơ gây ô nhiễm cao, phát sinh lượng chất thải lớn và độc hại như khai thác khoáng sản, sản xuất giấy, dệt nhuộm, nhiệt điện, gang thép, hóa chất, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật… Hiện nay, Việt Nam có khoảng 5.000 mỏ và điểm khai thác khoáng sản đang hoạt động, phát sinh khối lượng bụi và nước thải lớn, gây tác động nghiêm trọng đến môi trường đất, nước và không khí. Bên cạnh đó, khoảng 300 doanh nghiệp sản xuất giấy, bột giấy chủ yếu sử dụng công nghệ lạc hậu, tiêu tốn nhiều hóa chất trong các khâu tẩy, làm trắng, xử lý bột giấy, tạo ra nhiều phế phẩm có độc tính cao. Ngoài ra, cả nước hiện có 25 nhà máy nhiệt điện than và 65 nhà máy sản xuất gang thép với công suất từ 100.000 tấn/năm trở lên, nếu không được giám sát chặt chẽ, đầu tư công nghệ xử lý và tái chế, sẽ tiềm ẩn nguy cơ gây ô nhiễm môi trường ở mức độ nghiêm trọng. Trong 5 tháng đầu năm 2025, sản lượng điện toàn hệ thống đạt 127,6 tỷ kWh, trong đó nhiệt điện than chiếm tỷ trọng cao nhất 56,8%, thủy điện góp 20,1%, tuabin khí góp 6,8%, năng lượng tái tạo góp 14,3%, điện nhập khẩu góp 1,8%...

Hình 4: Tỷ trọng huy động các loại hình nguồn điện toàn hệ thống trong 5 tháng đầu năm 2025

*Thứ tư, ý thức bảo vệ môi trường của một bộ phận người dân vẫn còn nhiều hạn chế.* Điều này là do nhiều người chưa thực sự nhận thức rõ tầm quan trọng của bảo vệ môi trường, còn xem đây là trách nhiệm của chính quyền hoặc doanh nghiệp. Họ có tâm lý chủ quan, chưa nhận thấy được mối liên hệ trực tiếp giữa ô nhiễm môi trường với sức khỏe và chất lượng cuộc sống, do đó hành vi ứng xử với môi trường còn thiếu đồng bộ và bền vững. Dù đã có nhiều phong trào, chiến dịch tuyên truyền được triển khai rộng khắp, nhưng trên thực tế vẫn còn tình trạng xả rác bừa bãi, đặc biệt ở nơi công cộng như chợ, bến xe, khu du lịch, lễ hội. Nhiều người dân vẫn chưa có thói quen phân loại rác tại nguồn, còn sử dụng phổ biến túi ni-lông và đồ nhựa dùng một lần, gây áp lực lớn lên hệ thống thu gom, xử lý rác thải. Ở khu vực nông thôn, không ít hộ gia đình vẫn đổ chất thải sinh hoạt xuống sông, kênh, mương, hoặc đốt rác bừa bãi, dẫn đến ô nhiễm môi trường đất, nước, không khí. Một số hộ chăn nuôi và sản xuất nhỏ lẻ còn xả trực tiếp chất thải chăn nuôi, thuốc bảo vệ thực vật ra môi trường mà chưa qua xử lý.

Tóm lại, Việt Nam đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng trong công tác bảo vệ môi trường, tuy nhiên vẫn còn tồn tại không ít hạn chế từ hệ thống chính sách, pháp luật, bộ máy quản lý, cho đến ý thức của doanh nghiệp và người dân. Những bất cập này khiến hiệu quả bảo vệ môi trường chưa được phát huy tối đa, đồng thời làm gia tăng các nguy cơ ô nhiễm và suy thoái môi trường. Để đề ra các giải pháp đồng bộ, khả thi, hướng tới phát triển bền vững và xây dựng một môi trường sống an toàn, lành mạnh cho cộng đồng, cần nhận diện rõ những tồn tại, nguyên nhân và tác động, từ đó thúc đẩy sự cải thiện về ý thức bảo vệ môi trường ở Việt Nam.

## 2.3. Đề xuất nâng cao ý thức bảo vệ môi trường Việt Nam trong thời gian tới

Trong chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050, nhà nước đã đặt ra những mục tiêu tổng quát giúp giải quyết triệt để những xu hướng gia tăng ô nhiễm, suy thoái môi trường. Những giải pháp cấp bách được đề ra để cải thiện chất lượng môi trường và đảm bảo đa dạng sinh học, đồng thời từng bước loại bỏ những nguyên nhân gây ra tình trạng này một cách triệt để và toàn diện nhất, giúp góp phần hoàn thiện mục tiêu phát triển bền vững 2030 của đất nước.

*Thứ nhất, nâng cao ý thức bảo vệ môi trường đóng vai trò quan trọng trong duy trì môi trường xanh.* Cần đổi mới và nâng tư duy, nhận thức của các doanh nghiệp, cộng đồng và người dân về vấn đề môi trường bằng cách thiết lập các mô hình giáo dục về môi trường ở các cấp, các ngành đặc biệt đối với học sinh, sinh viên về việc đảm bảo an ninh môi trường. Các phương tiện truyền thông đại chúng cũng cần đẩy mạnh việc tuyên truyền về các hình thức lối sống xanh, phù hợp với môi trường, ủng hộ người dân sử dụng những sản phẩm, dịch vụ thân thiện với môi trường cũng như khuyến khích động viên các cá nhân tổ chức chung tay vào công cuộc giữ gìn môi trường sống.

*Thứ hai, hoàn thành thể chế chính sách về vấn đề môi trường đồng thời đảm bảo phù hợp với thời cuộc kinh tế.* Các chính sách đề ra cần đảm bảo tạo cơ hội cho các sản phẩm, dịch vụ thân thiện với môi trường, ủng hộ kinh tế tuần hoàn và kinh tế xanh. Bên cạnh đó, cần đề ra những giải pháp phù hợp để giảm thiểu các tác nhân môi trường từ các cơ sở sản xuất như quy định hạn ngạch phát thải, tín chỉ carbon, tiêu thụ năng lượng,... Bên cạnh đó, cũng nên có các chính sách đổi mới công nghệ như hỗ trợ tài chính, tín dụng xanh giúp các doanh nghiệp dễ dàng thay đổi để thích nghi với thời cuộc mới, từ đó cũng góp phần làm hài hòa lợi ích giữa kinh tế và môi trường. Tất cả cần phải thiết lập theo những tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về bảo vệ môi trường của các nước phát triển

*Thứ ba, cần phải đẩy mạnh các thủ tục hành chính về bảo vệ môi trường. Các bộ máy cần phải được tổ chức hoàn chỉnh phù hợp với chính sách môi trường được đề ra.* Từ các cấp tỉnh, quận, xã đều phải chung một định hướng về giải quyết vấn đề môi trường, chủ động ra sức tiến hành các hành động đẩy mạnh an toàn môi trường cũng như tham vấn ý kiến của người dân và các tổ chức xã hội để tăng tính khả thi và sự đồng thuận, giúp cộng đồng dễ dàng thích nghi và chung tay hợp sức vào công cuộc chung. Các bộ ngành liên quan có thể phối hợp với nhau để thực hiện các chiến lược một cách đồng bộ đồng thời gia tăng hiệu quả quá trình. Từ các cấp tổ chức nhỏ đến lớn, có thể đảm bảo các chiến lược đề ra được thực hiện triệt để trên toàn bộ lãnh thổ Việt Nam.

*Thứ tư, Các chính sách môi trường cũng phải được thực thi một cách quyết liệt.* Từ những đường lối đã được hoạch định, các cơ quan cần phải cụ thể hóa và tổ chức triển khai hiệu quả trong thực tiễn. Bên cạnh đó cũng cần có các hệ thống giám sát một cách minh bạch đảm bảo sự tham gia tích cực của các đơn vị thi hành. Ngoài ra, việc này cũng xác định chính xác những điểm mạnh, yếu của chiến lược, kế hoạch để nhanh chóng đưa ra các giải pháp phù hợp.

*Thứ năm, cần có sự ứng dụng mạnh mẽ của những thành tựu khoa học công nghệ.* Công nghệ phát triển có thể giúp giảm sự phụ thuộc kinh tế - xã hội vào các tác nhân gây hại cho môi trường cũng như tham gia vào việc cải tạo hệ sinh thái và môi trường tự nhiên. Các ứng dụng khoa học như chuyển đổi số, hạ tầng kỹ thuật về xử lý chất thải, tái chế,… cần được chính phủ khuyến khích sử dụng nhiều hơn, bên cạnh đó các cơ sở sản xuất, doanh nghiệp cũng nên cập nhật và thay đổi những hạ tầng sản xuất cũ bằng những công nghệ mới phù hợp với thời đại. Ngoài việc ứng dụng khoa học công nghệ, việc hỗ trợ và tạo cơ hội cho các cơ sở nghiên cứu, chế tạo cũng vô cùng cần thiết, sự đầu tư vào những công trình nghiên cứu mới không chỉ giúp đất nước Việt Nam bắt kịp những tiến bộ khoa học của các nước phát triển, xây dựng nền công nghiệp hiện đại và nhiều tiềm năng mà cũng góp phần định hình và phát triển lối sống xanh của đất nước.

*Thứ sáu, đẩy mạnh hợp tác quốc tế về bảo vệ môi trường trong bối cảnh hội nhập kinh tế và toàn cầu hóa.* Việc chủ động tham gia và đồng hành với các nước và tổ chức trên thế giới không chỉ giúp phát triển kinh tế - xã hội nói chung mà cũng góp phần không nhỏ trong việc giữ gìn môi trường. Các điều ước quốc tế mà Việt Nam tham gia như những vấn đề liên quan đến biến đổi khí hậu, suy thoái môi trường tự nhiên, chất thải nhựa, nhiên liệu hóa thạch,… giúp chúng ta tiếp cận các cách giải quyết cũng như công nghệ hiện đại phù hợp để áp dụng cho các vấn đề môi trường trong nước. Thêm vào đó, đất nước ta có thể ra sức hỗ trợ và đồng hành cùng nhiều quốc gia trong công cuộc này, giúp việc bảo vệ môi trường toàn cầu trở nên dễ dàng và hiệu quả hơn.

Tóm lại, đối với những tác động xấu của con người lên môi trường sống, nhà nước Việt Nam đã chủ trương đề ra những giải pháp phù hợp, cấp thiết và hiệu quả để ngăn ngừa sự phá hoại nặng nề đối với môi trường. Điều này cho thấy trong chiến lược đã vạch ra của Việt Nam đã thể hiện sự quyết tâm, kiên trì với một tầm nhìn vô cùng chiến lược để đảm bảo môi trường sống phù hợp cho người dân cũng như phát triển hạ tầng, an sinh xã hội.

.

# KẾT LUẬN

Qua việc phân tích và thực hiện nội dung đề tài “Thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Nâng cao ý thức bảo vệ môi trường ở Việt Nam hiện nay”, nhóm đã nhận thấy rằng thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội là một giai đoạn tất yếu, khách quan trong tiến trình phát triển lịch sử. Xuất phát từ học thuyết hình thái kinh tế - xã hội Mác – Lênin, đây là một quá trình chuyển đổi lâu dài và phức tạp, vừa kế thừa những yếu tố của xã hội cũ, vừa xây dựng những yếu tố mới mang tính xã hội chủ nghĩa, trong đó các yếu tố lạc hậu và tiến bộ cùng tồn tại, đan xen và đấu tranh với nhau. Quá độ không phải là một con đường bằng phẳng, mà là một cuộc đấu tranh toàn diện để giải quyết những vấn đề về kinh tế, chính trị, văn hóa và xã hội; vừa phải củng cố cơ sở vật chất – kỹ thuật, vừa phải nâng cao đời sống tinh thần cho nhân dân. Con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam thể hiện sự đúng đắn, phù hợp với thực tiễn của đất nước, đáp ứng khát vọng về độc lập, công bằng, dân chủ và phát triển bền vững.

Trong quá trình quá độ lên chủ nghĩa xã hội, vấn đề môi trường đã và đang trở thành một thách thức nghiêm trọng đối với Việt Nam. Thực tế cho thấy, môi trường là nền tảng của đời sống và phát triển, có quan hệ mật thiết với sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, vì vậy bảo vệ môi trường là bảo vệ sự sống, bảo vệ sức khỏe nhân dân, đồng thời là điều kiện tiên quyết để phát triển kinh tế bền vững. Những năm qua, Đảng, Nhà nước, các tổ chức chính trị – xã hội, cộng đồng doanh nghiệp và đông đảo nhân dân đã có nhiều chuyển biến tích cực trong nâng cao ý thức bảo vệ môi trường. Nhiều chính sách, chương trình, phong trào đã được triển khai, qua đó tạo sự lan tỏa rộng rãi trong xã hội. Tuy nhiên, một bộ phận doanh nghiệp và người dân vẫn còn thiếu ý thức, trách nhiệm, dẫn đến hiệu quả của các chính sách chưa cao. Từ đó cho thấy, việc nâng cao ý thức bảo vệ môi trường cần tiếp tục được xem là nhiệm vụ trọng tâm không thể xem nhẹ.

Tóm lại, thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội và công tác bảo vệ môi trường ở Việt Nam có mối quan hệ gắn bó hữu cơ. Xây dựng chủ nghĩa xã hội là sự nghiệp lâu dài, đòi hỏi kiên định, sáng tạo và sự đồng lòng của toàn dân tộc; trong đó bảo vệ môi trường là nhiệm vụ vừa cấp bách vừa lâu dài, bảo đảm điều kiện sống và phát triển cho hiện tại và tương lai. Sự kết hợp hài hòa giữa phát triển kinh tế – xã hội với bảo vệ môi trường sẽ tạo nền tảng vững chắc để Việt Nam tiến lên chủ nghĩa xã hội thành công, xây dựng một xã hội công bằng, dân chủ, văn minh và phát triển bền vững.

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2021). Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học, NXB: Chính trị quốc gia, Hà Nội.

2. Cổng thông tin điện tử cổng Tuyên Quang. (9.2021). Quan điểm, định hướng của Đảng về bảo vệ môi trường. <https://tuyenquang.dcs.vn/DetailView/50696/6/Quan-diem-dinh-huong-cua-Dang-ve-bao-ve-moi-truong.html>

3. Đông Hải. (2019). Còn nhiều khó khăn, hạn chế trong bảo vệ môi trường. <https://congnghiepmoitruong.vn/con-nhieu-kho-khan-han-che-trong-bao-ve-moi-truong-3711.html>

4. Linh Trang. (2023). Ý thức là gì? Bản chất của ý thức là gì? <https://luatvietnam.vn/linh-vuc-khac/y-thuc-la-gi-ban-chat-cua-y-thuc-la-gi-883-94479-article.html>

5. Muthukumara Mani & Vinod Thomas, (2023). To fulfil Vietnam’s economic ambitions, climate action is essential. <https://blogs.worldbank.org/en/eastasiapacific/fulfil-vietnams-economic-ambitions-climate-action-essential>

6. Nguyên Mạnh .(2022). Những vấn đề môi trường cấp bách hiện nay: Thực trạng và giải pháp.<https://tapchicongsan.org.vn/web/guest/bao-ve-moi-truong/-/2018/825770/nhung-van-de-moi-truong-cap-bach-hien-nay--thuc-trang-va-giai-phap.aspx>

7. NBCA .(2024). Một số tồn tại, hạn chế trong công tác bảo vệ môi trường của người dân địa phương và khuyến nghị. <https://nbca.gov.vn/mot-so-ton-tai-han-che-trong-cong-tac-bao-ve-moi-truong-cua-nguoi-dan-dia-phuong-va-khuyen-nghi/>

8. Nguyễn, H. (2024). *Phạm trù vật chất và ý thức trong triết học Mác - Lênin và khoa học hiện đại*. <https://www.researchgate.net/publication/381920392_Pham_tru_vat_chat_va_y_thuc_trong_triet_hoc_Mac_-_Lenin_va_khoa_hoc_hien_dai>

9. NGUYỄN VIỆT THANH, NGUYỄN NGỌC CẦN, DƯƠNG VĂN KHÁNH, & TRẦN MINH SANG. (2021). XÂY DỰNG Ý THỨC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CHO SINH VIÊN CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC Ở VIỆT NAM HIỆN NAY. *Tạp chí Khoa học Quản lý Giáo dục*, Số 02(30). <https://vjol.info.vn/index.php/khqlgd/article/download/59393/49729/>

10. Phòng khám chuyên khoa Bs Dũng. (2022). Ý Thức Là Gì? – Các Thuộc Tính Và Cấu Trúc Của Ý Thức. <https://chuabenhtamthan.com.vn/index.php?menu=detail&mid=47&nid=173>

11. Phạm Lan. (2022). Nâng cao ý thức bảo vệ môi trường tại nhiều địa phương

[https://thiennhienmoitruong.vn/nang-cao-y-thuc-bao-ve-moi-truong-tai-nhieu-dia-phuong.html](%20https:/thiennhienmoitruong.vn/nang-cao-y-thuc-bao-ve-moi-truong-tai-nhieu-dia-phuong.html)

12. Quyết Thắng. (2025). Chung tay giảm thiểu rác thải nhựa, Coca-Cola Việt Nam đã đóng góp những gì? <https://nongnghiepmoitruong.vn/chung-tay-giam-thieu-rac-thai-nhua-coca-cola-viet-nam-da-dong-gop-nhung-gi-d756409.html>

13. Thư viện pháp luật. (2014). Luật bảo vệ môi trường. <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Tai-nguyen-Moi-truong/Luat-bao-ve-moi-truong-2014-238636.aspx>

14. Thư viện pháp luật. (2020). Luật bảo vệ môi trường. <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Tai-nguyen-Moi-truong/Luat-so-72-2020-QH14-Bao-ve-moi-truong-2020-431147.aspx>

15. Tạp chí điện tử thiên nhiên môi trường. (2023). Xâm nhập mặn ở đồng bằng sông Cửu Long đến sớm hơn nhiều năm. <https://thiennhienmoitruong.vn/xam-nhap-man-o-dong-bang-song-cuu-long-den-som-hon-nhieu-nam.html>

16. Trang Nguyễn. (2024). Thực trạng và giải pháp bảo vệ môi trường hiện nay. <https://consosukien.vn/thuc-trang-va-giai-phap-bao-ve-moi-truong-hien-nay.htm>

17. ThS. Nguyễn Việt Dũng. (2023). Phát huy vai trò của doanh nghiệp trong bảo vệ môi trường. <https://tainguyenmoitruong.gov.vn/tin-tuc-su-kien/202306/phat-huy-vai-tro-cua-doanh-nghiep-trong-bao-ve-moi-truong-31642f0/>

18. Trang Nguyễn. (2024). Thực trạng và giải pháp bảo vệ môi trường hiện nay

<https://consosukien.vn/thuc-trang-va-giai-phap-bao-ve-moi-truong-hien-nay.htm>

19. V.I. Lênin. (2005). *Toàn tập. tập 33.* Hà Nội:Nxb. Chính trị quốc gia – Sự thật.

20. V.I. Lênin. (2005). *Toàn tập. tập 36.* Hà Nội:Nxb. Chính trị quốc gia – Sự thật.

21. V.I. Lênin. (2005). *Toàn tập. tập 39.* Hà Nội:Nxb. Chính trị quốc gia – Sự thật

22. World Health Organization. (2024). Tackle sources of air pollution to protect and promote health, development and productivity, say UN agencies in Viet Nam to mark World Environment Day (5 June). <https://www.who.int/vietnam/news/commentaries/detail/tackle-sources-of-air-pollution-to-protect-and-promote-health--development-and-productivity--say-un-agencies-in-viet-nam-to-mark-world-environment-day-(5-june)>

23. World Bank Group. (2022). Key Highlights: Country Climate and Development Report for Vietnam. <https://www.worldbank.org/en/country/vietnam/brief/key-highlights-country-climate-and-development-report-for-vietnam>

1. V.I. Lênin. (2005). *Toàn tập. tập 39, tr.47.* Hà Nội:Nxb. Chính trị quốc gia – Sự thật. [↑](#footnote-ref-1)
2. V.I. Lênin. (2005). *Toàn tập. tập 36, tr.362.* Hà Nội:Nxb. Chính trị quốc gia – Sự thật. [↑](#footnote-ref-2)
3. V.I. Lênin. (2005). *Toàn tập. tập 33, tr.42.* Hà Nội:Nxb. Chính trị quốc gia – Sự thật. [↑](#footnote-ref-3)